

Số: 942/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Quyết định số 1423/QĐ-BTP ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Cục Bộ trợ tư pháp tại Báo cáo số 142/BC-BTTP ngày 07 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho 12 cá nhân theo quy định tại Điều 17 của Luật Luật sư trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Bộ trợ tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thủ trưởng Mai Lương Khôi (để báo cáo);
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC BỘ TRỢ TƯ PHÁP**



Lê Xuân Hồng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

(kèm theo Quyết định số 942/QĐ-BTP ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Sở Tư pháp tỉnh/thành phố	Họ và tên	Số CCHNLS	Nam	Nữ	Ngày tháng năm sinh			Địa chỉ thường trú	Thông tin hồ sơ
I. TRƯỜNG HỢP ĐẠT YÊU CẦU KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ										
1.	Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Kiều Oanh	26016		x	24	3	1995	Phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	
2.	Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Thị Tuyết	26017		x	17	4	1985	Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	
3.	Thành phố Đà Nẵng	Võ Hoàng Quân	26018	x		23	02	1994	Phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	
4.	Hậu Giang	Lê Hoàng Bảo Đại	26019	x		23	7	1988	Phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	
5.	Hậu Giang	Danh Trường Giang	26020	x		10	6	1997	Xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	
6.	Bình Dương	Nguyễn Hồng Nhung	26021		x	25	7	1996	Xã Hưng Thạnh, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An	
7.	Bình Dương	Lê Thị Thu Hà	26022		x	15	4	1997	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	
8.	Bình Dương	Nguyễn Phú Thịnh	26023	x		02	5	1988	Phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	

TT	Sở Tư pháp tỉnh/thành phố	Họ và tên	Số CCHNLS	Nam	Nữ	Ngày tháng năm sinh			Địa chỉ thường trú	Thông tin hồ sơ
II. TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN ĐÀO TẠO VÀ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ										
9.	Thành phố Hồ Chí Minh	Đào Thị Thu Hằng	26024		x	25	01	1977	Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Là tiến sỹ luật
10.	Thành phố Hồ Chí Minh	Bùi Thị Hằng Nga	26025		x	30	11	1982	Phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Là tiến sỹ luật
11.	Vĩnh Long	Nguyễn Văn Thiết	26026	x		12	12	1963	Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Đã là kiểm sát viên
12.	Cà Mau	Nguyễn Văn Tý	26027	x		25	12	1983	Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	Đã là điều tra viên trung cấp